

Số: 65/BC - UBND

Kông Long Không, ngày 11 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

**Về tình hình thực hiện công tác thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP:

- Trong 6 tháng đầu năm UBND xã đã tập trung công tác chỉ đạo, tuyên truyền quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức các văn bản chỉ đạo của UBND huyện, chú trọng đến lĩnh vực thu chi ngân sách, quản lý tài sản công gắn với THTK, CLP trong cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tiếp tục kêu gọi cán bộ, công chức thực hiện tiết kiệm cụ thể: Tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, bảo quản và sử dụng có hiệu quả thiết bị, tài sản cơ quan, hưởng ứng tích cực và nâng cao ý thức trách nhiệm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thường xuyên phổ biến các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, công chức xã;

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình THTK,CLP:

- Luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, đồng thời quản lý chặt chẽ việc thu, chi ngân sách đảm bảo đúng, đủ chống lãng phí trong cơ quan

- Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để phòng ngừa, ngăn chặn hiện tượng tiêu cực, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong lĩnh vực đầu tư, sử dụng đất đai;

- Xây dựng, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường ý thức trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của toàn thể cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các hành vi gây ra thất thoát lãng phí; Tiếp tục đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của đơn vị.

- Tiếp tục vận động cán bộ, công chức tu dưỡng đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, tệ nạn quan liêu, lãng phí.

3. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; công quỹ, tài sản công; quy hoạch, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Đã thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân trong toàn xã.

- Công khai việc sử dụng tài chính và các hoạt động về tài chính theo quy định của Nhà nước;

- Tiếp tục quản lý và sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững; ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên tùy tiện, sử dụng kém hiệu quả, gây lãng phí, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường;

- Tiếp tục áp dụng thực hiện thống nhất và công khai quy chế chi tiêu nội bộ, phương án trả lương nội bộ; định mức khoán; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thông báo công khai và dân chủ, bàn bạc, thảo luận, góp ý các vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình và công tác của cơ quan như: được thông báo về quyết toán và dự toán thu chi ngân sách năm; tình hình thu chi và sử dụng kinh phí hoạt động của xã; quỹ phúc lợi công đoàn; việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ được thực hiện một cách tiết kiệm, không lãng phí. Các ban ngành đoàn thể, cán bộ, công chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ một cách hợp lý và hiệu quả.

- Phát huy vai trò làm chủ của công chức trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng và giám sát thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021

Trong 6 tháng đầu năm công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cơ quan tập trung vào những vấn đề quản lý chuyên môn như tài chính ngân sách, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản và các lĩnh vực khác... nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực như sau:

1. Sử dụng lao động:

- Phân công, sử dụng hợp lý chỉ tiêu biên chế được giao tại xã nhưng vẫn thực hiện đảm bảo tốt các công việc được giao như giao chỉ tiêu biên chế đối với cán bộ công chức xã theo NĐ 34/ NĐ-CP là 20 người hiện tại bố trí 20 người, việc bố trí các chức danh cán bộ không chuyên trách xã, thôn phù hợp với nghị quyết 136/NQ-HĐND Tỉnh Gia Lai.

- 6 tháng đầu năm cùng với TT Đảng ủy xã, TT HĐND xã, UBMTTQVN xã và các ban ngành đoàn thể xã đã tổ chức sắp xếp lịch làm việc phù hợp, lồng ghép các hội nghị và các cuộc họp một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Sử dụng điện:

- Cán bộ, công chức đã nghiêm túc thực hiện việc tắt các thiết bị điện như bóng đèn, máy tính, máy photo, quạt...khi không cần thiết sử dụng và khi nghỉ trưa, kết thúc

một ngày làm việc.

3. Sử dụng nước:

-Việc sử dụng nguồn nước tại trụ sở đã được thực hiện một cách có hiệu quả, không gây lãng phí.

4. Sử dụng điện thoại:

- 6 tháng đầu năm việc sử dụng điện thoại được công chức văn phòng xã quản lý chặt chẽ, đúng mục đích và tiết kiệm.

5. Sử dụng văn phòng phẩm:

- Đã thực hiện việc gửi, nhân công văn qua email, hạn chế việc in, photo các tài liệu không cần thiết. Đặc biệt việc in, photo các văn bản ra hai mặt giấy tránh lãng phí.

- Không sử dụng máy tính vào công việc không đúng mục đích (chơi trò chơi điện tử,...), không tùy tiện cho người ngoài sử dụng các thiết bị văn phòng khi không được sự đồng ý của lãnh đạo xã.

6. Sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phụ vụ chuyên môn:

- Thực hiện giao tài sản, thiết bị đến từng cán bộ, công chức và từng bộ phận chuyên môn sử dụng, quản lý và bảo quản.

- Tổ chức đăng ký mua sắm tài sản phục vụ các chức danh đúng mục đích và đúng theo quy định hiện hành.

7. Sử dụng tài chính:

- Đã tổ chức niêm yết và công khai các khoản thu, tình hình sử dụng dự toán và các khoản chi theo quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan.

- Thực hiện tốt chế độ chi tiêu trong hội nghị, hội thảo, chế độ tiếp khách không phô trương.

- Thực hiện khoán công tác phí cho cán bộ, công chức xã

- Đã tổ chức lấy ý kiến tập thể trong việc xây dựng định mức, biện pháp khoán chi, từ đó đề ra các chỉ tiêu cụ thể và thực tế.

- Định mức tất cả các khoản chi được phổ biến đến từng người lao động.

8. Sử dụng quỹ đất công và nguồn tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản :

- Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng tự nhiên trong toàn xã, không để tình trạng lấn chiếm, khai thác rừng bừa bãi và trái pháp luật xảy ra.

III. Phương hướng nhiệm vụ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2021

-Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị. Theo đó UBND xã phải thường xuyên chỉ đạo, tổ chức các đơn vị thực hiện thông qua việc rà soát, ban hành bổ sung các chương trình, kế hoạch cụ thể; phải xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phấn đấu đồng thời gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

-Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

-Bố trí, cán bộ công chức đúng chức danh, vị trí chuyên môn.

-Tiếp tục thực hiện tiết kiệm đúng luật đầu tư công trong việc triển khai xây dựng cơ bản từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và vốn đóng góp của nhân dân.

Trên đây là báo cáo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2021 của UBND xã Kông Long Khong./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- UBMTTQ xã và các đoàn thể;
- Công đoàn xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nhơn

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: Từ 01/01/2021 đến 30/4/2021 và ước đến 30/06/2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước - từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ									
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	2	1	1	1		50.0	100.0	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	1	1	0	0	0	0.0	0.0	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc								
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ								
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thụ hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng								
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)									
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN									
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng								
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	67	67	143					
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng								
1.4	Các nội dung khác									
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN									
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:									
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng								
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng								
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng								
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng								
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng								
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng								
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng								
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng								
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)									
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng								
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:									
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng								
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng								
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng								
	Các nội dung khác									
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng								
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng								
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng								
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng								
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng								
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ									
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị								
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị								
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng								
4	Các nội dung khác									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ	Số liệu ước từ	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước									
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)									
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc								
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc								
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc								
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc								
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng								
2	Tài sản khác									
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản								
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản								
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng								
3	Các nội dung khác									
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng									
1	Trong đầu tư xây dựng									
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án								
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng								
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng								
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng								
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng								
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng								
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án								
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ									
	<i>Số lượng</i>	dự án								
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng								
2	Trụ sở làm việc									
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1,811	1,811	1,811	1,811	1,811	100.0	100.0	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²								
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²								
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²								
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²								
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng								
3	Nhà công vụ									
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	125			0	0	0.0	0.0	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²								
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²								
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²								
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²								
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng								
4	Các nội dung khác									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ	Số liệu ước từ	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên									
1	Quản lý, sử dụng đất									
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m ²								
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m ²								
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
1.4	Các nội dung khác									
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác									
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ								
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được									
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án								
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng								
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt									
4	Các nội dung khác									
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước									
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ								
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
3	Các nội dung khác									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp									
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh									
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng								
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng								
	Tiết kiệm điện	Kw/h								
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)								
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng								
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng								
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng								
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng								
2	Quản lý đầu tư xây dựng									
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	4	0						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án								
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được									
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng								
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng								
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng								
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng								
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn									
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án								
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2.5	Các nội dung khác									
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN									
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng								
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng								
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng								
4	Mua sắm tài sản, phương tiện									
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con									
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc								
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc								
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng								
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc								
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng								
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc								
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc								
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng								
5	Nợ phải thu khó đòi									
	Số đầu kỳ	triệu đồng								
	Số cuối kỳ	triệu đồng								
6	Vốn chủ sở hữu									
	Số đầu năm	triệu đồng								
	Số cuối kỳ	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2020	Kế hoạch của năm 2021	Kết quả 6 tháng đầu năm 2021			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2021 đến 30/04/2021	Số liệu ước từ 01/05/2021 đến 30/06/2021	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân									
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ								
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ								
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP									
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc								
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc								
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị								
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị								
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)	triệu đồng								
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng								

Người lập

Lê Thị Hiền

Kông Long Khong, ngày 11 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



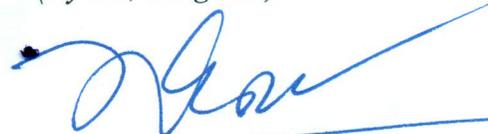
Trần Văn Nhơn

PHỤ LỤC SỐ 04

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	
A	Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên	60	
1	Chi sách, báo, tạp chí	8	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	8	6
3	Chi sử dụng điện	8	6
4	Chi xăng, dầu	8	8
5	Chi sử dụng nước	8	8
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	8	5
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	8	5
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	4	3
B.	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	40	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	15	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	40	40
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		
1	Có khoản chi bị Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	

....., ngày 11 tháng 6 năm 2021
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC SỐ 05

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	
A.	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30
B.	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã	50	
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã	40	
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40	
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10	
II	Kết quả thực hiện giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
1.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8	8
2	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	7

2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	0
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6

...., ngày 11 tháng 6 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Văn Nhơn